

TÂM THỨC VĂN HOÁ TRONG THƠ ĐƯƠNG ĐẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG TỪ GÓC NHÌN SO SÁNH

Phạm Khánh Duy^{1*}

¹*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ*

** Email: pkduy@ctu.edu.vn*

Ngày nhận bài: 18/02/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 17/03/2025

Ngày chấp nhận đăng: 24/03/2025

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu tâm thức văn hóa trong thơ đương đại của hai vùng: đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng duyên hải miền Trung, qua đó làm sáng tỏ những đặc trưng riêng biệt cũng như mối quan hệ giữa thơ ca và bản sắc văn hóa vùng miền. Thơ của các tác giả đồng bằng sông Cửu Long thể hiện tâm thức sông nước, cuộc sống gắn liền với phù sa, với thiên nhiên trù phú, mang đậm tinh thần phóng khoáng và chất dân gian. Trong khi đó, thơ của các tác giả đồng bằng duyên hải miền Trung lại phản ánh tâm thức biển cả, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, tinh thần kiên cường cùng những trăn trở về lịch sử và thân phận con người. Thông qua việc phân tích nội dung và thi pháp của các tác phẩm thơ tiêu biểu, bài viết chỉ ra sự khác biệt và giao thoa trong tâm thức văn hóa giữa hai vùng, đồng thời góp phần nhận diện sự vận động của thơ ca đương đại Việt Nam trong quá trình kế thừa truyền thống và tiếp biến hiện đại.

Từ khóa: *bản sắc vùng miền, đồng bằng duyên hải miền Trung, đồng bằng sông Cửu Long, tâm thức văn hóa, thơ đương đại.*

CULTURAL CONSCIOUSNESS IN CONTEMPORARY POETRY OF THE MEKONG DELTA AND THE CENTRAL COASTAL PLAIN – FROM A COMPARATIVE PERSPECTIVE

ABSTRACT

This paper explores cultural consciousness in contemporary poetry from two regions: the Mekong Delta and the Central Coastal Plain of Vietnam. It elucidates their distinctive features and the intricate relationship between poetry and regional cultural identity. The poetry of Mekong Delta authors reflects a riverine consciousness, a life intertwined with fertile alluvium and abundant nature, embodying a free-spirited and folkloric essence. Meanwhile, the poetry from the Central Coastal Plain conveys a maritime consciousness, the harshness of nature, as well as a resilient spirit and deep contemplations on history and human existence. By analyzing the content and poetic techniques of representative works, this paper identifies both the differences and intersections in the cultural consciousness of these two regions while contributing to an understanding of the evolution of contemporary Vietnamese poetry in its process of inheriting tradition and adapting to modernity.

Keywords: *Central Coastal Plain, contemporary poetry, cultural consciousness, Mekong Delta, regional identity.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nước ta có ba vùng đồng bằng lớn trải dài từ Bắc chí Nam, bao gồm: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng duyên hải miền Trung (ĐBDHMT) và đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Mỗi vùng đồng bằng, bên cạnh những đặc trưng về tự nhiên (địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, sông ngòi...) còn lưu giữ nhiều bản sắc văn hoá độc đáo, riêng biệt, không trộn lẫn với bất kì vùng miền nào khác. Trong đó, hai vùng ĐBSCL và ĐBDHMT từ lâu được biết đến với vẻ đẹp thiên nhiên trù phú; con người chân chất, mộc mạc, chí nghĩa chí tình. Đồng thời, hai vùng đồng bằng này cũng chứa đựng những trầm tích văn hoá quý giá, được lưu giữ qua nhiều thời kì khác nhau. Trên nền tảng văn hoá vững chắc đó, đội ngũ sáng tác ở các giai đoạn trong tiến trình phát triển của văn học được hình thành mang tâm thức văn hoá sâu sắc. Yếu tố văn hoá đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong cách sáng tác của từng cây bút.

Hấp thụ tinh hoa văn hoá của vùng miền, dân tộc và kế thừa thành tựu văn chương của thế hệ trước, các cây bút đương đại ĐBSCL và ĐBDHMT (từ đầu thế kỉ XXI đến nay) tiếp tục với những sáng tác đậm chất văn hoá. Điều này chẳng những thể hiện tình yêu văn hoá, sự kết nối và niềm tự hào với bản sắc văn hoá mà còn góp phần tạo nên “độ nhận diện” cho văn chương của từng vùng miền, làm “cầu nối” để nối kết văn học các vùng miền lại với nhau, hình thành nên bức tranh đa sắc của văn học đương đại. Trong bức tranh nghiên cứu văn chương những năm gần đây, có nhiều công trình nghiên cứu thơ ca ĐBSCL hoặc ĐBDHMT nói riêng, văn học hai vùng miền nói chung, đặc biệt là soi chiếu từ lí thuyết văn hoá học. Tuy nhiên, vẫn chưa có công trình nào mang tính chất so sánh, đối chiếu văn chương hai vùng miền tương chừng như xa cách này với nhau. Nhận thấy điều đó, trong bài báo này, chúng tôi nghiên cứu tâm thức văn hoá trong thơ đương đại ĐBSCL và ĐBDHMT từ góc nhìn so sánh; qua đây, người viết không chỉ phát lộ những vấn đề về văn hoá trong thơ đương đại ở hai vùng miền mà còn mở ra sợi dây liên kết thơ ĐBSCL với thơ ĐBDHMT trong bối cảnh văn học đương đại.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài báo này, người viết tiến hành thống kê các tác phẩm thơ của các cây bút đương đại ở hai khu vực, bao gồm ĐBDHMT và ĐBSCL, từ năm 2000 đến nay; đồng thời phân loại thơ theo các tiêu chí mà bài báo đã xác lập, đánh giá những khía cạnh khác nhau của tâm thức văn hoá. Bên cạnh đó, người viết còn so sánh tâm thức văn hoá trong thơ đương đại ĐBDHMT và ĐBSCL để thấy được những điểm tương đồng (do sự kế thừa từ truyền thống dân tộc và dòng mạch chung của thơ ca Việt) và những điểm riêng biệt, độc đáo.

Trong quá trình nghiên cứu, người viết đã sử dụng kết hợp những phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thống kê – phân loại, phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh. Ngoài ra, người viết còn sử dụng thêm phương pháp bình luận, bình giảng văn học. Các phương pháp trên hỗ trợ cho người viết rất nhiều trong quá trình nghiên cứu tâm thức văn hoá trong thơ đương đại ĐBSCL và ĐBDHMT từ góc nhìn so sánh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Từ lâu, “văn hoá” không còn là thuật ngữ xa lạ. Trong công trình *Văn hoá nguyên thủy*, Tylor định nghĩa: “*Văn hoá, hay văn minh, theo nghĩa rộng về tộc người học nói chung gồm có tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán và một số năng lực và thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách một thành viên của xã hội*” (Tylor, 2019). Theo cách kiến giải này, ta thấy Tylor đã đồng nhất văn hoá với văn minh. Xuyên suốt trong *Văn hoá nguyên thủy*, nhà nghiên cứu đã sử dụng thuật ngữ “văn minh” thay cho “văn hoá”. Nội hàm của “văn minh” rất rộng, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau. Bởi thế, các phát hiện và lí giải về văn hoá con người thời kì nguyên thủy của Tylor đã vượt khỏi phạm trù văn hoá theo kiến giải của khoa học hiện nay. Trong công trình *Những vấn đề văn hoá học lí luận và ứng dụng*, Trần Ngọc Thêm (2014) khẳng định, có nhiều cách lí giải khác nhau xoay quanh thuật ngữ “văn hoá”. Trong đó, nhà nghiên cứu này đã điếm qua một số cách hiểu về “văn hoá” như sau: (1) “*Giới hạn theo*

chiều sâu, văn hoá theo nghĩa hẹp thường được đồng nhất với văn hoá tinh hoa”; (2) “Giới hạn theo chiều rộng, văn hoá được dùng để chỉ những giá trị trong từng lĩnh vực (văn hoá giao tiếp, văn hoá kinh doanh...). Giới hạn theo không gian, văn hoá được dùng để chỉ những giá trị đặc thù của từng vùng miền (văn hoá Tây Nguyên, văn hoá Nam Bộ...). Giới hạn theo thời gian, văn hoá được dùng để chỉ những giá trị trong từng giai đoạn (văn hoá Hoà Bình, văn hoá Đông Sơn...). Giới hạn theo hoạt động thì văn hoá theo nghĩa hẹp thường được đồng nhất với văn hoá ứng xử”. Có thể thấy, Trần Ngọc Thêm đã kiến giải nội hàm của “văn hoá” theo nhiều bình diện khác nhau, nhìn chung khá đầy đủ và thuyết phục. Trần Quốc Vượng & cs. (2006) trong *Cơ sở văn hoá Việt Nam* giải thích khái niệm “văn hoá” bằng việc tiếp thu định nghĩa của nhiều nhà khoa học văn hoá trên thế giới ở các thời kì khác nhau. Trong đó, Trần Quốc Vượng viết: “Văn hoá là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra. Văn hoá là chìa khoá của sự phát triển”. So với Tylor thời kì trước, điểm khác biệt trong cách lí giải thuật ngữ “văn hoá” của Trần Quốc Vượng là nhân mạnh yếu tố con người. Văn hoá không tự nhiên mà có, nó phải được kiến tạo bởi con người, qua từng thời kì, đã đặt nền móng vững chắc cho văn hoá. Chính con người đã hình thành và lưu truyền những giá trị văn hoá tốt đẹp (vật chất và tinh thần) qua các thời kì khác nhau. Đồng thời, Trần Quốc Vượng cũng khẳng định tầm văn trọng của văn hoá.

Từ những khảo lược trên, “văn hoá” được hiểu là những giá trị vật chất và tinh thần do con người kiến tạo qua nhiều giai đoạn khác nhau trong lịch sử phát triển. Văn hoá bám rễ rất sâu trong đời sống nhân dân. Bản sắc văn hoá là những đặc trưng văn hoá riêng biệt của từng dân tộc, từng vùng miền. Nó chính là niềm tự hào của cộng đồng, dân tộc. Trong thời kì mở cửa hội nhập văn hoá hôm nay, việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu. Tâm thức văn hóa là hệ thống tư duy, tri thức, niềm tin, giá trị và tập quán đã ăn sâu vào tiềm thức của một cộng đồng hay một dân

tộc. Nó hình thành qua quá trình lịch sử, chịu ảnh hưởng của điều kiện địa lí, tôn giáo, truyền thống và kinh nghiệm sống của con người trong xã hội đó. Tâm thức văn hóa không chỉ thể hiện ở cách con người suy nghĩ, cảm nhận mà còn chi phối hành vi, ứng xử, lối sống và sáng tạo nghệ thuật. Nó có thể được biểu hiện qua ngôn ngữ, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán, văn học, nghệ thuật và cả trong tư duy chính trị, kinh tế. Có thể thấy, tâm thức văn hóa là một phần quan trọng trong bản sắc của một dân tộc, vừa mang tính ổn định vừa có khả năng thích ứng và thay đổi theo thời đại.

ĐBSCL và ĐBDHMT là hai vùng văn hoá lớn. So với vùng ĐBDHMT, lịch sử hình thành vùng ĐBSCL có phần muộn hơn. Nói như nhà văn Lê Quang Trạng (2021): “*Hơn ba trăm năm trước, xuôi về phương Nam, men theo những dòng sông hạ lưu Mekong, người ta phát hiện nên một vùng đất hào sảng và màu mỡ, họ dừng chân lại sinh sống. Dần dần tạo nên một cộng đồng dân cư nơi miền đất mới với một nền văn hoá đặc trưng*” (Lê Quang Trạng, 2021). Tuy ngắn về thời gian, song không thể phủ nhận rằng, từ thời kì tiền nhân khai hoang mở cõi ở vùng hạ lưu sông Mekong cho đến ngày hôm nay, các thế hệ người dân sinh sống ở vùng ĐBSCL đã kiến tạo, lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hoá. Bởi thế, văn hoá vùng ĐBSCL cũng giàu có, phong phú không kém cạnh văn hoá vùng ĐBDHMT. Sinh ra và trưởng thành ở những vùng văn hoá lớn, các thế hệ người viết ở ĐBSCL và ĐBDHMT sớm tiếp cận và hấp thụ những tinh hoa văn hoá, cả về vật chất lẫn tinh thần. Dù viết về đề tài nào, người đọc cũng bắt gặp trên trang viết của họ chất văn hoá lấp lánh. Đó là cách đề người cầm bút quay trở về với cội nguồn văn hoá của mình, đồng thời quảng bá vẻ đẹp của văn hoá vùng miền bằng ngôn từ nghệ thuật.

3.1. Tâm thức văn hóa sông nước và văn hóa biển

Xét về vị trí địa lí, ĐBDHMT bao gồm các tỉnh ven bờ biển miền Trung, trải dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận; đi qua các tỉnh/thành phố như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, thành phố Huế, thành phố Đà

Năng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận. Những tỉnh/thành phố này đều nép mình bên bờ biển miền Trung xinh đẹp và đầy tiềm năng phát triển. Biển gắn chặt với đời sống của người dân nơi đây; hình ảnh bờ cát, biển cả bạt ngàn, những đợt sóng bạc đầu, chuyến tàu đánh cá... đã in sâu vào tâm thức của họ. Cách ĐBDHMT bởi vùng bình nguyên, bán bình nguyên và đồi núi thấp Đông Nam Bộ, ĐBSCL nằm lùi về phía bán cầu Nam, bao gồm 13 tỉnh/thành phố nằm san sát nhau: Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang và thành phố Cần Thơ. Trong đó, có 07 tỉnh giáp biển; các tỉnh/thành phố còn lại nằm giữa vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ, hằng năm hứng trọn nguồn tài nguyên khoáng sản đổ về từ thượng nguồn sông Mekong. Với hệ thống sông ngòi dày đặc, chằng chịt, ĐBSCL được mệnh danh là vùng sông nước trù phú. Tương tự biển cả ở vùng ĐBDHMT, những dòng sông, kênh, kinh, rạch... ở vùng ĐBSCL từ bao đời đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Như vậy, vùng biển rộng lớn ven ĐBDHMT và hệ thống sông ngòi giữa vùng ĐBSCL đã hình thành nên văn hoá biển và văn hoá sông nơi đây.

Cùng mang tâm thức nước, song, phần lớn thơ của các tác giả ĐBSCL mang dấu ấn văn hoá sông nước, còn thơ của các giả ĐBDHMT mang dấu ấn văn hoá biển. Những dòng sông ở vùng đồng bằng châu thổ phía Nam cũng như bờ biển dài ôm trọn dải đất miền Trung đã nuôi dưỡng con người, cả về đời sống vật chất lẫn tâm hồn. Sông, biển in sâu vào tâm thức người cầm bút, đồng thời chi phối tác giả từ việc chọn đề tài, hình ảnh đến việc thể hiện tư tưởng, thông điệp tác phẩm. Nói như Trần Ngọc Thêm (2014): *“Hình ảnh sông nước đã ăn sâu vào tâm khảm người Việt đến mức mọi hoạt động tư duy đều lấy sông nước làm chuẩn mực”*.

Sông ngòi, kênh rạch không chỉ tạo nên cảnh quan đặc trưng của vùng ĐBSCL mà còn hình thành nên một nền văn hoá đậm đà tính sông nước. Điểm chung của văn học ĐBSCL chính là dấu ấn sông nước. Từ những

sáng tác của các cây bút thời kì trước như Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Đoàn Giỏi, đến Nguyễn Ngọc Tư, Võ Diệu Thanh, Trúc Linh Lan, Nguyễn Thị Việt Hà, Lê Minh Nhựt... và thế hệ người viết trẻ như Phan Duy, Lê Quang Trạng, Phát Dương, Võ Đăng Khoa..., tính sông nước trở thành điểm nổi bật, là “dấu hiệu” nhận diện quê hương bản quán của người cầm bút. Thật chất, ở bất kì nơi nào, từ đồng bằng châu thổ màu mỡ đến vùng núi cao hiểm trở, những dòng sông đều chảy qua. Thế nhưng, khi nhắc đến thiên nhiên ĐBSCL, hình ảnh dòng sông, kênh rạch lại xuất hiện như một “biểu tượng văn hoá” thuộc về vùng đất này. Điều này xuất phát từ chỗ ĐBSCL là vùng đất thấp với hệ thống sông ngòi chằng chịt, chịu ảnh hưởng của sông Mekong. Nơi đây có mạng lưới kênh rạch dày đặc, đồng ruộng mênh mông, mùa nước nổi đặc trưng. Vì vậy, hình ảnh sông nước xuất hiện nhiều trong thơ, phản ánh cuộc sống sông nước, chợ nổi, ghe xuồng và văn hóa miệt vườn. Sông nước trở thành một phần không thể thiếu trong sinh hoạt hằng ngày của người dân ĐBSCL, từ việc di chuyển bằng ghe thuyền đến việc trao đổi hàng hóa trên chợ nổi. Vì vậy, sông trong thơ miền Tây thường mang vẻ hiền hòa, trù phú, gắn liền với sự sung túc và tình cảm chân phương của người dân. Sông nước trong thơ ĐBSCL thường gợi sự hiền hòa, gần gũi, gắn với hình ảnh xuồng ghe, chợ nổi, lục bình trôi. Nó phản ánh sự phóng khoáng, hào sảng của con người miền Tây, cũng như lối sống chan hòa với thiên nhiên. Những dòng sông lớn nhỏ cùng với hai dòng chính là sông Tiền, sông Hậu ở hạ lưu sông Mekong đã đi vào thơ ca từ bao đời nay. Có khi, những dòng sông được gọi tên cụ thể trong thơ:

Em ở chi xa bên kia sông Tiền

Để nổi nhớ bên này sông Hậu

(Sông Tiền, Sông Hậu, Quờn San)

Nước Cửa Lớn chia hai về biển

Quyện một dòng thành lưu luyến trong tim

(Lần về cột mốc quê hương, Phan Duy)

Thế rồi ta đã hẹn hò

Đêm trăng sông Hậu con đò mênh mông

(Cần Thơ – tôi và em, Huỳnh Kim)

*Em có bằng lòng bỏ lại Trường Tiền nửa
mảnh trăng soi*

*Để ôm trọn nửa vầng trăng nghiêng trên
dòng Gành Hào xứ Bạc*

(Từ Hương Giang, Hoàng Khánh Duy)

...

Cũng có khi, những dòng sông ấy không được gọi tên trong thơ, nhưng khi kết hợp cùng các kí hiệu văn hoá khác, hình ảnh của miền Tây sông nước lại hiện ra rõ ràng, từ cảnh vật đến hồn cốt:

Miền của tuổi thơ dọc dài sông rộng

Đáy nổi đáy chìm

Vấn vít tình quê

Cộng dây dung buộc khóm chiều vào đũa đày

Tôm cá giết mình cho sợi gượng lặn tằm

(Hàng đày sông xưa, Phan Duy)

Lúu rúu con nước chảy

Lúu rúu lục bình trôi

Thương em trắng mười sáu

Đã vội lấy chồng rồi

(Lúu rúu lục bình trôi, Trúc Linh Lan)

*Câu vọng cổ thương hò cất lên giữa lau
lách đời gạo chợ nước sông*

Đêm chợ nổi lắt lay hồn cây bèo

*Bán nổi u hoài những phận người ngược
xuôi xuôi ngược*

(Tự sự với đồng bằng, Huỳnh Thuý Kiều)

Đò ơi

Chợt nhớ nơi này con sáo gọi đò ơi

Con nước đầy vơi

Con đò sang sông rồi trở lại

Hỏi mới biết

Con sáo già đã chết

Tội nghiệp con sáo cả đời

Nó đâu gọi đò cho nó sang sông!

(Con sáo gọi đò, Lê Quang Trọng)

...

Đồng hành cùng biểu tượng dòng sông là các kí hiệu văn hoá: đày (một loại ngư cụ), lục bình, vọng cổ, chợ nổi, con đò, tôm cá... đã mở ra trong thơ một không gian văn hoá đậm hồn sông nước Cửu Long. Cảnh sông

nước, cảnh con người mưu sinh trên sông, cách di chuyển trên sông, rạch đã được các tác giả tái hiện chân thực, bình dị mà cũng không kém phần thơ mộng, hữu tình.

Từ văn hoá sông nước, các tác giả ở ĐBSCL đã mở rộng biên độ ra những giá trị văn hoá khác được sinh thành từ chính dòng sông. Đáng nói đến là văn hoá chợ nổi và văn hoá mùa nước nổi. Chợ nổi vốn là hình ảnh đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ, hình thành dựa trên thể mạnh của địa hình (mạng lưới sông ngòi, kênh rạch phong phú). Huỳnh Ngọc Thu (2015) cho biết: “*Văn minh sông rạch là kết quả quá trình thích nghi của cư dân với môi trường tự nhiên ở Tây Nam Bộ. Điều này được thể hiện rõ qua lối sống, cách sinh hoạt, nhà cửa, đi lại, ẩm thực... Trong đó, biểu hiện rõ nhất là phương thức giao thương của cộng đồng, mà tiêu biểu là chợ nổi*”. Chợ nổi không chỉ là địa điểm giao thương mà còn là nét văn hoá độc đáo của ĐBSCL. Trong thơ, với tình yêu vùng đất và con người cũng như sự am hiểu các giá trị văn hoá, các tác giả ĐBSCL đã xây dựng chợ nổi với tư cách kí hiệu văn hoá, tồn tại song song cùng các kí hiệu khác như: chiếc ghe, cây bèo, lời rao... tạo thành không gian văn hoá sống động, nồng nàn hơi thở vùng đất phương Nam. Chẳng hạn:

Bèo anh treo ánh thơ tình

Bênh bồng chợ sớm bồng bênh ban mai

Dựa nhờ rạch vắng sông dài

Tiếng đàn tài tử phôi thai hẹn lòng

(Mình về chợ nổi hay không, Năng Xuân)

Chợ đã nổi từ nửa đêm về sáng

Ta vẫn chìm từ giữa bữa hoàng hôn

Em treo bèo Cái Răng Ba Láng

Ta thương hò Vàm Xáng Cần Thơ

(Chợ nổi Cái Răng, Huỳnh Kim)

...

Văn hoá mùa nước nổi cũng là nét văn hoá đặc trưng của ĐBSCL. Mùa nước nổi là hiện tượng tự nhiên diễn ra hằng năm ở đồng bằng châu thổ, do nước từ thượng nguồn sông Mekong đổ. Nước nổi tạo nên bức tranh đồng bằng bạt ngàn, trù phú, hình thành tâm thức “sống chung với lũ” và những nét văn hoá

độc đáo. Bên cạnh sông rạch, chợ nổi, ghe xuồng, đồng ruộng..., mùa nước nổi cũng được tái hiện trong thơ qua nhiều góc độ, cảm xúc khác nhau. Đó là lời tự sự của “cái tôi” Huỳnh Thuý Kiều trong những ngày lũ về:

Trải lòng với đồng bằng

Tháng mười lũ rượt mùa rẹm giao hoan

Lênh láng phù sa đục ngầu những dòng sông chảy ngược

(Tự sự với đồng bằng, Huỳnh Thuý Kiều)

là hình ảnh một miền quê chìm trong biển nước mà cái đẹp vẫn sinh sôi trong thơ Trịnh Bửu Hoài:

Nhà treo trên biển lũ

Nghe cá quẫy dưới lưng

Đêm mơ điên điên nở

Một màu vàng băng khuâng

(Đêm nước nổi, Trịnh Bửu Hoài)

là buổi chiều Tam Nông, “cái tôi” Nguyễn Ngọc Tuyết đau đầu nhớ về mùa lũ thời ấu thơ:

Và lớp lớp phù sa tràn về theo nước lũ

Tắm mát mấy đứa trẻ mình trần cùi cùi

Khúc khúc tiếng cười...

(Khi đàn sếu bay về, Nguyễn Ngọc Tuyết)

Có thể nói, sông ngòi, kênh rạch đã gắn bó mật thiết với người dân vùng ĐBSCL từ xa xưa đến nay. Con người châu thổ dành cho dòng sông tình yêu, sự nâng niu, trân trọng, biết ơn. Cách con người đối xử tử tế với sông nước đã trở thành giá trị đạo đức truyền thống, được gìn giữ và phát huy trong thời buổi tự nhiên bị con người khai thác, tận diệt.

Sống ở đây đất dài ven biển miền Trung tươi đẹp, trù phú mà cũng không kém phần khắc nghiệt, con người ĐBDHMT từ bao đời gắn bó với biển, mang tâm thức biển sâu sắc. Biển trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống vật chất và tinh thần của con người. Chẳng những thế, vùng biển còn có ý nghĩa về mặt quân sự, tạo nên lãnh thổ toàn vẹn mà nhân dân bao đời đã nỗ lực giữ gìn. Trần Ngọc Thêm (2014) khẳng định: “một dân tộc có thể được coi là có văn hoá biển khi và chỉ khi văn hoá biển là một thành tố hữu cơ không thể thiếu của vốn văn hoá dân tộc”. Văn hoá biển được hình thành dựa trên

nhiều yếu tố, trong đó có không gian sinh tồn gắn liền với biển. Con người nhiều thế hệ sống dựa vào biển, mưu sinh và xây dựng cuộc sống trên biển, làm thành truyền thống và in sâu vào tâm thức chung của cộng đồng. Việt Nam là một đất nước có văn hoá biển, nổi riêng đây đất miền Trung với đường bờ biển dài 1.900 km, chiếm gần 60% chiều dài bờ biển cả nước, văn hoá biển lại càng đậm đà, rõ nét. Cũng như sông rạch ở ĐBSCL, biển miền Trung đã đi vào thơ ca từ bao đời nay, trở thành biểu tượng văn hoá, một dạng thức của cô mầu nước. Người miền Trung phần lớn gắn bó với biển, làm nghề đánh cá, buôn bán ven biển hoặc sống dựa vào các cảng biển. Biển mang đến nguồn sống nhưng cũng ẩn chứa sự khắc nghiệt (bão lũ, sóng to gió lớn). Do đó, thơ ca miền Trung thường có hình ảnh biển vừa dữ dội vừa sâu lắng, tượng trưng cho sự bền bỉ, chịu đựng của con người nơi đây. Biển trong thơ miền Trung thường mang nỗi buồn xa xăm, thể hiện tâm tư của con người trước sự rộng lớn và dữ dội của thiên nhiên. Nó cũng là biểu tượng của những cuộc chia li, của nỗi nhớ quê hương và những số phận lênh đênh.

Đọc thơ của các tác giả ĐBDHMT, không khó để bắt gặp biển và hình ảnh con người tồn tại trong bầu sinh quyển văn hoá đó. Trước hết, biển là không gian sinh tồn của con người miền Trung. Với nguồn lợi thủy hải sản, khoáng sản phong phú, giàu có, người miền Trung (nhất là ngư dân sống ven biển, phụ thuộc vào biển) đã khai thác nguồn lợi từ biển để nâng cao chất lượng cuộc sống, mưu sinh; đồng thời kiến tạo nên những nét phong tục riêng biệt, ý nghĩa (chẳng hạn như cầu ngư, cúng thuyền, thờ thần biển, tế cá Ông...). Hình ảnh những làng chài ven biển, cảnh ra khơi đánh cá, vượt qua những khó khăn thách thức của biển cả, hướng đến một cuộc sống ấm no, tương lai tươi sáng, được tái hiện thi vị trong thơ của Nguyễn Đông Nhật:

Tiếng chim gù trên mái ngói ban trưa

Trời cao lẫm và loẵng ra như thế

Ai đặt chiếc thuyền trên sóng bể

Cánh buồm mây trắng chẳng bay đi

(Xóm biển, Nguyễn Đông Nhật)

chân thực và xúc động với hình ảnh người lao động lam lũ, chăm chỉ trong thơ Lê Thanh Hùng:

*Bến cá chiều nay vào vụ mùa
Con mưa giông, gió cũng a dua
Em gánh cá chiều mưa tắt bật
Cháy lòng nghe, vọng dấu thẹn thùa*

(*Chiều mưa trên xóm biển*, Lê Thanh Hùng)

hay trong thơ Trương Công Tường:

*Những bãi cát dọc triền sông An Lão
Những người mẹ gánh muối về rừng
Họ là những người gánh biển
Đổ lên nguồn, biển lại về sông
Một đời cha tôi nước mắt chảy xuôi
Muối thì vẫn muôn đời chát mặn
Nắng miền Trung gió Lào rát mặt*

(*Người đi về phía biển*, Trương Công Tường)

...

Khi viết về dòng sông, thơ của các tác giả ở ĐBSCL để lại ấn tượng bởi hình ảnh con người xuôi ngược trên sông bằng xuồng ghe, mái chèo, những kiếp thương hồ lang bạt, trôi nổi... Còn khi viết về biển, các tác giả ở ĐBDHMT thường chọn cảnh ra khơi của dân chài, vị mặn mòi của biển cả, màu trắng của cát, cái rát bỏng của nắng miền Trung... để chuyển tải vẻ đẹp của cảnh sắc và con người xứ sở. Đó là những dòng thơ lục bát miêu tả vẻ đẹp lộng lẫy của biển miền Trung trong thơ Nguyễn Nho Khiêm:

*Từ trong tình túy đất trời
Làn hương rất mỏng thoát lời yêu thương
Lời như biển mặn đông phương
Sóng xanh nắng gọi cung đường mây xanh
Từ trong trời đất tình anh
Dâng lên đỉnh nhớ tan thành thi ca
Đêm buồn biển rót về xa
Sóng xanh còn vọng thiên hà nhớ nhau*

(*Biển mặn*, Nguyễn Nho Khiêm)

là vẻ đẹp, sự trẻ trung muôn đời của biển cả, đối lập với sự tàn phai, ngắn ngủi của kiếp người trong thơ Vân Phi:

*Mỗi sớm dậy, chị nhìn về phía biển
Dưới chân nhà, sóng vỗ rác liêu xiêu*

Chông biệt xa khơi

Mòn mỏi ráng chiều

*Chị tựa cửa tủi phận mình rong rêu mùa
nhân sắc*

(*Những ngày tay đôi bàn tay*, Vân Phi)

là sự tình nghịch và tâm hồn trong trẻo của biển như trẻ thơ trong thơ Ý Nhi:

*Tôi sống sờ trước một sắc nước xanh
Như trời thăm như vô cùng cây lá
Mà chẳng phải, chẳng phải là như thế
Xanh lạ kì nước biển miền Trung
Thoát biển đi thoát lại hiện bên đường
Như chạy trốn như gọi mời đùa nghịch
Sau mỗi cung đường biển hoà lên bất chợt
Sóng ngời ngời ánh mắt trẻ thơ*

(*Biển miền Trung*, Ý Nhi)

...

Với tình yêu và sự gắn bó với biển, thơ của các tác giả ở ĐBDHMT đã lột tả vẻ đẹp của biển theo những cách khác nhau; đồng thời gửi gắm những xúc cảm mãnh liệt khi đứng trước biển và niềm say đắm, tự hào về sự giàu có của biển quê hương.

Tương tự văn hoá mùa nước nổi của người dân vùng chiêm trũng ĐBSCL, văn hoá lũ lụt cũng là nét nổi bật của người dân vùng ĐBDHMT khắc nghiệt. ĐBDHMT nép mình bên bờ biển, hằng năm, vùng này hứng chịu những đợt lũ lụt, thiên tai nặng nề, gây thiệt hại nhiều về người và của. Sống trên vùng đất cằn cỗi, khắc nghiệt, khô hanh, bão lũ thường xuyên xảy ra, người dân vùng ĐBDHMT đã tôi luyện cho mình sự vững vàng, can đảm, ý chí kiên cường, mạnh mẽ trước sự thách thức của tự nhiên. Họ cũng chọn “sống chung” với lũ như cách mà người dân ĐBSCL “sống chung” với mùa nước nổi, dù việc “sống chung” với thiên tai chưa bao giờ là điều dễ dàng. Tâm thức ấy đau đáu trong thơ Thanh Thảo:

*Bông súng tím mọc lên từ nước
Bão Haiyan mọc lên từ biển
Bão Haiyan cho tôi kinh hoàng
Bông súng tím cho tôi yên lòng
Rồi có thể người ta quên*

Mà nhớ

Trong siêu bão một bông súng nở

(Bông súng và siêu bão, Thanh Thảo)

Thông qua hai hình tượng “bông súng” và “siêu bão”, Thanh Thảo đã gửi gắm những thông điệp đầy ý nghĩa về văn hoá ứng xử của con người với thiên tai: đối mặt với khó khăn, kiên cường vươn lên, cải tạo tự nhiên. Viết về bão lũ ở các tỉnh Trung Bộ, dù tang tóc, đau thương, song thơ của Đoàn Xuân Hoà vẫn canh cánh một niềm tin, niềm hi vọng về một ngày không xa miền Trung sẽ tươi đẹp, yên lành:

Mạ đưa con đi sinh, lũ cuốn giữa dòng

Một người chết mà hai thi thể

Làng xóm đặt con nằm cạnh mẹ

Bồng bồng bóng bóng bang bang

Ấu ơ... hoá tiếng khóc tràn sông Hương

Mạ nằm chỗ ướt canh sương

Chỗ khô lớt tiếng ru nhường cho con

(Lời ru thi thể, Đoàn Xuân Hoà)

Từ góc nhìn văn hoá, thơ viết về sông, biển của các tác giả ở ĐBSCL và ĐBDHMT đã phản ánh phần nào nếp sống, nếp nghĩ của con người và những giá trị văn hoá đặc sắc của hai vùng đất nói trên. Phải khẳng định rằng, sông, biển chính là nguồn cảm hứng mãnh liệt trong sáng tác văn chương nghệ thuật, không chỉ riêng các tác giả được sinh ra và trưởng thành, hấp thụ văn hoá ĐBSCL và ĐBDHMT, mà các tác giả Việt nói chung, mang trong mình một tâm hồn Việt.

3.2. Tâm thức văn hóa Óc Eo và văn hóa Chăm Pa

Theo chiều dài lịch sử, dưới sự tác động của nhiều yếu tố, những nền văn hoá độc đáo đã được sinh thành trên đất nước ta. Mỗi nền văn hoá gắn liền với một vùng miền, khu vực cụ thể; là những “trầm tích” quý giá nằm sâu trong tâm thức con người, trở thành niềm tự hào của dân tộc Việt nói chung. Đi từ Bắc vào Nam, ta có thể bắt gặp một số nền văn hoá được gìn giữ, bảo tồn đến tận ngày hôm nay như: văn hoá Kinh Bắc, văn hoá Đông Sơn, văn hoá Hạ Long, văn hoá Hoà Bình, văn hoá Đồng Đậu, văn hoá Phùng Nguyên, văn hoá Châm Pa, văn hoá Sa Huỳnh, văn hoá Bàu

Tró, văn hoá Óc Eo... Trong đó, văn hoá Châm Pa (ở ĐBDHMT, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ) và văn hoá Óc Eo (ở ĐBSCL, đặc biệt là khu vực Óc Eo – Ba Thê) là hai nền văn hoá đồ sộ, có bề dày lịch sử và hăng hữ trong đời sống cộng đồng, dân tộc.

Hàng trăm năm trước, trên hành trình khai khẩn vùng đất phương Nam, tiền nhân đã phát hiện ra dấu tích của một nền văn hoá lâu đời, xưa cổ. Sau này, các nhà khoa học, khảo cổ học đã phát hiện trên khắp vùng đất Nam Bộ các di vật, di tích mà quan trọng nhất là di tích Óc Eo (do Louis Malleret – nhà nghiên cứu người Pháp phát hiện đầu tiên), là cơ sở để đi đến khẳng định văn hoá Óc Eo từng phát triển rực rỡ ở vùng đất này. Phan Huy Lê (2007) cho rằng văn hoá Óc Eo được hình thành từ một thương cảng sầm uất trong quá khứ: “*Đô thị cảng Ba Thê – Óc Eo sớm trở thành trung tâm mậu dịch quốc tế của Phù Nam và vùng Đông Nam Á lục địa. Trung tâm này không những là nơi giao dịch, mua bán giữa Phù Nam với nước ngoài mà còn là địa điểm dừng chân để lấy nước và mua sắm lương thực, thực phẩm của các con thuyền trên hải trình thương mại quốc tế*”. Theo thời gian, nền văn hoá ấy vẫn tồn tại và sống mãi trong tâm trí của cộng đồng vùng ĐBSCL, đồng thời đi vào văn chương nghệ thuật. Trong bài viết *Có một nguồn thi hứng về văn hoá Óc Eo trong thơ đồng bằng sông Cửu Long*, Nguyễn Lâm Điền (2021) viết: “*Theo chúng tôi, không phải ngẫu nhiên mà trong các tuyển thơ có nhiều bài thơ được xuất phát từ cảm hứng về văn hoá Óc Eo. Có thể nói, chính cái đẹp, cái quý rất đáng tự hào trân trọng của di sản văn hoá này đã tạo cho thi nhân nguồn thi hứng để họ sáng tạo nên nhiều văn thơ hay. Những cảm nhận của họ được xuất phát từ nhiều chiều kích khác nhau khi nhìn ngàn xưa để kết nối với hôm nay, cũng như nhìn hôm nay để nghĩ về ngàn xưa*”. Đọc thơ của các tác giả vùng ĐBSCL, có thể bắt gặp một dòng thơ lấy cảm hứng từ văn hoá Óc Eo một thời rực rỡ, huy hoàng ở vùng đất này. Điều đáng nói, không chỉ dòng thơ về văn hoá Óc Eo phát triển trong giai đoạn trước mà trong thơ ca từ năm 2000 đến nay, đặc biệt là thơ của các tác giả trẻ ở ĐBSCL, văn hoá Óc Eo vẫn có sức sống bền bỉ, khoẻ khoắn. Trong thơ đương đại ĐBSCL,

từ thực tại nhìn về quá khứ, các tác giả say đắm và tự hào về một nền văn minh vững bền, là tiền đề cho sự phát triển hôm nay:

*Sáng nay ta về núi
Tìm dấu xưa hằn lại đến bây giờ
Óc Eo thành quách thành huyền thoại
Một thoáng tình về trong gió đưa
Đêm qua tiên tắm trên hồ núi
Vội vã về trời sót dấu chân
Ta vội trèo lên trên đỉnh núi
Ngàn năm tạo hoá vẫn trơ trơ*
(Về núi Ba Thê, Đức Ngân)
*Về An Giang nhớ thăm Óc Eo – Gò Tháp
Soi bóng hoàng hôn tìm dấu vết Phù Nam
Qua Châu Giang lung linh sắc màu thổ cẩm
Từng nét hoa văn uốn lượn tựa mây ngàn*
(An Giang mảnh đất tình người,
Nguyễn An Bình)
*Ai xuôi ta ghé Vọng Đông
Mà lòng trĩu nặng cánh đồng Ba Thê
Một Óc Eo tự ngàn xưa
Với Linh Sơn Tự nắng thưa thớt chiều*
(Một thoáng Thoại Sơn, Nguyễn Hữu)

...

Khi nhắc đến văn hoá Óc Eo với hiện diện là những di tích, hiện vật khảo cổ, các tác giả ĐBSCL thường đề cập đến những địa danh như Ba Thê, Thoại Sơn tại vùng đất An Giang nhiều huyền thoại. Thực chất, văn hoá Óc Eo từng phủ rộng khắp vùng ĐBSCL, song những di tích, hiện vật còn sót lại chủ yếu được tìm thấy quanh vùng núi Ba Thê, trên đất Thoại Sơn. Bởi vậy, người ĐBSCL nói chung và người An Giang nói riêng luôn tự hào về một thời kì văn hoá rực rỡ, phồn thịnh trong lịch sử văn hoá dân tộc. Thơ của các tác giả vùng ĐBSCL, đặc biệt là An Giang luôn mang đậm tâm thức văn hoá Óc Eo như một cách để người cầm bút khẳng định, ca ngợi, làm sống dậy nền văn hoá đặc sắc đó. Các tác giả như Võ Thị Kim Liên, Nguyễn Lập Em, Hồ Thanh Điền, Phạm Nguyên Thạch, Lê Quang Trọng... vẫn cất giữ trong tâm thức những vết tích của Óc Eo một thời. Khi cảm hứng văn hoá Óc Eo được gọi thức, từ trong kí ức cộng đồng, những vết tích ấy thoát thai và hiện diện trong thi ca.

Những viên gạch cổ là minh chứng cho sự tồn tại và hưng thịnh của vương quốc Phù Nam được phục dựng trong thơ:

*Người thợ dự đoán cho mình mấy trăm
viên gạch cổ
Người truy tích tìm cho mình hai nghìn
năm loang lổ
Tôi tìm cho mình quyển sách mục nơi đâu
(Phù Nam, Lê Quang Trọng)
Gò Cây Thị rêu phong dấu cũ
Viên gạch nào cũng nhắc gọi ngày xưa
(Về Thoại Sơn, Nguyễn Văn Khánh)
Bao bí ẩn vui mình trong lớp đá xanh rêu
Thành quách tiêu điều
Thấp thoáng hương hồn Phù Nam
vương quốc
Ơi! Óc Eo
Hiện diện của em nói lên điều gì giữa đời
thường quay quắt
(Tâm tình với Thoại Sơn, Trần Tâm)*

...

Đó là những vần thơ mang đậm dấu ấn văn hoá Óc Eo, là sự kết nối tuyệt vời giữa quá khứ và hiện tại. Qua thơ ca, các tác giả ĐBSCL đã đánh thức những giá trị văn hoá xưa cổ, đồng thời chuyển tải tình yêu văn hoá cổ đến với độc giả hôm nay.

Nếu người dân ĐBSCL tự hào về di chỉ Óc Eo – minh chứng cho một thời kì vàng son rực rỡ thì người dân ĐBDHMT, đặc biệt là khu vực Nam Trung Bộ kéo dài từ thành phố Đà Nẵng đến Bình Thuận, tồn tại một nền văn hoá Chăm Pa đồ sộ. Vương quốc Chăm Pa ra đời vào cuối thế kỉ II, kinh đô đặt tại Shinhapura (nay là Duy Xuyên, Quảng Nam), sau đó mở rộng lãnh thổ dần về phía Nam. Trong công trình nghiên cứu đồ sộ, giàu giá trị học thuật *Văn hoá cổ Chăm Pa*, Nguyễn Văn Doanh (2002) đã viết: “*Những điều kiện vị trí địa lí và thiên nhiên ưu đãi đã là cơ sở thuận lợi để biến dải đất duyên hải miền Trung nước ta thành một trong những nơi xuất hiện một nền văn hoá khảo cổ lớn và một quốc gia cổ đại phát triển vào loại sớm nhất ở khu vực Đông Nam Á. Đó là nền văn hoá đồng – sắt Sa Huỳnh nổi tiếng và đó là vương quốc cổ Chăm Pa. Chính những cư dân Sa Huỳnh – tiền thân của người Chăm và*

người Chăm sau đó đã sử dụng và khai thác những yếu tố thiên nhiên ưu đãi ở miền Trung để sinh sống và tạo lập nên những bản sắc văn hoá của mình”. Sống giữa một vùng văn hoá cổ còn sót lại các dấu tích như tháp cổ, đền đài, công cụ lao động cổ, đồ gốm..., các tác giả ĐBDHMT nhận thức rất rõ sự giàu có về mặt “trầm tích” của quê hương xứ sở, tự hào mãnh liệt về những giá trị văn hoá của vùng miền. Tháp cổ Chăm Pa (tháp Chăm), thành cổ Chăm Pa, linga và yoni (sinh thực khí), tượng vũ nữ Chăm... được các tác giả ở ĐBDHMT góp nhặt và đưa vào thơ với vai trò là những kí hiệu văn hoá Chăm Pa. Những năm 1932 – 1945 của thế kỉ trước, Chế Lan Viên – người con đất Quảng Trị – đã làm sống dậy vương quốc Chăm Pa và một nền văn hoá Chăm Pa hoành tráng trong tập thơ đầy ám ảnh: *Điêu tàn*. Bước sang thế kỉ XXI, mạch nguồn văn hoá cổ Chăm Pa không biến mất mà vẫn chảy dạt dào trong thơ của các tác giả ĐBDHMT. Kí hiệu sinh thực khí nam – nữ (linga – yoni), những viên gạch cũ, những pho tượng... trong thơ của Nguyễn Nho Khiêm:

- Những viên gạch nằm im cô phủ
Hồn gạch vui trong lớp lá khô nằm
- Những viên gạch nằm im và nhớ
Đền đài linh thiêng, tượng đá hoá thiên thần
Điệu múa in nét hoa văn huyền thoại
- Những viên linga nằm im mơ mộng
Vật cỏ xanh chìm tìm gặp yoni
(Những viên gạch Mỹ Sơn,
Nguyễn Nho Khiêm)

chiếc giếng cổ trong thơ Vũ Thiên Tường:

Giếng Chăm
Tuổi đã bao mùa nhớ nhung
Trăm năm sao vẫn thẹn thùng
(Hát với Cù Lao Chàm, Vũ Thiên Tường)

những vũ điệu xưa mềm mại, uyển chuyển trong thơ Nguyễn Kim Thịnh:

Chiều tỉnh mịch
Vũ điệu Chăm toả tràn cổ tháp
Men đời bây giờ có nhạt trước hương xưa
(Vũ điệu Chăm, Nguyễn Kim Thịnh)

nàng Apsara trong thơ Vi Thuý Linh:

Từ Bảo tàng Chăm Đà Nẵng
Ngàn vũ nữ bước ra từ đất đá nghìn năm
Uyển chuyển tinh tế Apsara
Một bầy tiên trần thế

(Vũ điệu sông Hàn, Vi Thuý Linh)

tháp Chăm trong thơ Vân Phi:

Đôi bàn tay vuốt mềm khuôn mặt
Búp sen trên đỉnh tháp Chăm vỡ nắng
mê miên

(Bản phác thảo thời gian, Vân Phi)

...

đã mở ra không khí đậm chất xưa cổ, một bức tranh văn hoá Chăm đẹp và đầy huyền bí. Có thể nói, cảm hứng văn hoá Chăm Pa vẫn luôn dạt dào trong tâm hồn của các tác giả miền Trung. Với họ, văn hoá cổ Chăm Pa là tình yêu, niềm tự hào, đồng thời là tín hiệu vẫy gọi con người trở về với cội nguồn xứ sở.

Nhìn chung, những bài thơ viết về Chăm Pa thường mang không khí cổ kính, trầm mặc, đôi khi phảng phất nỗi buồn của “cái tôi” trữ tình về sự lụi tàn của vương quốc vàng son một thuở. Nỗi buồn khi đối mặt với phế tích đền đài trong thơ Nguyễn Đức Bá:

Giọt nắng chiều rơi trên tháp cổ
Rơi trên hoàng thành đổ nát
Rơi trên những viên gạch đã chết tự
ngàn năm

(Tiếng vọng, Nguyễn Đức Bá)

Apsara... Apsara...

Đêm mờ xa

Vũ điệu Apsara

Chỉ còn trong gió ngàn sâu thẳm... tiếng
bi ai!...

(Apsara, Nguyễn Đức Bá)

niềm tiếc nuối về một vương triều sụp đổ trong thơ Kiều Maily:

Em đội lu đi giạt trôi muôn vệt nhớ
Nước mắt mẹ vui chôn đất lạ quê người
Vùi sâu mấy tầng lịch sử
Chìm dưới đất khô hanh nổi màu chàm

(Hồn du mục, Kiều Maily)

...

là tâm trạng, cảm xúc chung của cộng đồng khi nhớ về vương triều và nền văn hoá Chăm Pa rực rỡ.

Văn hoá cổ xưa và hoạt động sáng tạo nghệ thuật có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Nhiều biểu tượng, cổ mẫu thoát thai từ không gian văn hoá cổ, sống dậy trong tác phẩm nghệ thuật như một minh chứng sống động cho sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa văn hoá và văn chương. Văn hoá Óc Eo ở ĐBSCL và văn hoá Chăm Pa ở ĐBDHMT đã đi vào thơ ca của các tác giả ở hai vùng đồng bằng rộng lớn, trù phú này thông qua những kí hiệu, hình tượng, biểu tượng, cổ mẫu. Thông qua thơ ca, các tác giả đã khơi nhắc, tái hiện, bày tỏ tình yêu, niềm tự hào, sự trân trọng những nền văn hoá được sinh thành và phát triển trong buổi đầu của lịch sử vùng đất và con người ĐBSCL, ĐBDHMT.

4. KẾT LUẬN

Tâm thức văn hóa trong thơ đương đại ĐBSCL và ĐBDHMT phản ánh sâu sắc bản sắc vùng miền, đời sống tinh thần và những biến đổi xã hội của con người nơi đây. Nếu như thơ của các tác giả vùng ĐBSCL mang đậm dấu ấn sông nước, tâm thức phù sa, tính khoáng đạt và nỗi niềm của những con người gắn bó với miền đất châu thổ, thì thơ của các tác giả vùng ĐBDHMT lại thấm đẫm tinh thần biển cả, sự kiên cường trước thiên nhiên khắc nghiệt, cùng nỗi trăn trở về thân phận con người và lịch sử dân tộc. Những khác biệt và tương đồng giữa hai vùng thơ không chỉ giúp làm sáng tỏ những đặc điểm tâm thức văn hóa riêng biệt mà còn góp phần khẳng định sự đa dạng, phong phú của nền thơ đương đại Việt Nam. Bên cạnh đó, sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại trong sáng tác thơ ở hai vùng cũng cho thấy sự vận động linh hoạt của thơ ca trong bối cảnh toàn cầu hóa, nơi mà yếu tố bản địa và tinh thần dân tộc vẫn giữ vai trò cốt lõi.

Nhìn chung, thơ đương đại của hai khu vực này không chỉ là sự tiếp nối của dòng chảy văn hóa dân gian mà còn là tiếng nói tự

sự, chiêm nghiệm của con người trước những thay đổi của thời đại. Nghiên cứu về tâm thức văn hóa trong thơ hai vùng không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về đặc điểm thi pháp mà còn mở ra những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu văn học so sánh, góp phần làm phong phú thêm bức tranh thơ ca Việt Nam đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huỳnh Ngọc Thu. (2015). Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Số 18, 65–71.
- Lê Quang Trọng. (2021). Người viết trẻ với văn hóa đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nhà văn và Cuộc sống*, Số 05, 6–7.
- Nguyễn Lâm Điền. (2021). Có một nguồn thi hứng về văn hóa Óc Eo trong thơ đồng bằng sông Cửu Long. *Văn chương Thành phố Hồ Chí Minh*. Truy cập ngày 03/02/2025 tại: <https://vanchuongthanh.phohochiminh.vn/co-mot-nguon-thi-hung-ve-van-hoa-oc-eo-trong-tho-dong-bang-song-cuu-long-1>
- Nguyễn Văn Doanh. (2002). *Văn hóa cổ Chăm Pa*. Hà Nội: Nxb Văn hóa dân tộc.
- Phan Huy Lê. (2007). Qua di tích văn hóa Óc Eo và thư tịch cổ, thử nhận diện nước Phù Nam. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 11, 3–14.
- Trần Ngọc Thêm. (2014). *Những vấn đề văn hóa học lí luận và ứng dụng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
- Trần Quốc Vượng (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung & Trần Thúy Anh. (2006). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- Tylor, E., B. (2019). *Văn hóa nguyên thủy* (Huyền Giang dịch). Hà Nội: Nxb Tri thức.